

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: **09** /2018/HS-PT

Ngày: 17-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Lợi**

Các thẩm phán: Ông **Đinh Chí Tâm**

Ông **Lê Thành Tôn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà **Lưu Thúy Ái** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/12/2017 và ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 311/2017/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Võ Thị Thu T.

Do có kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thu T và có kháng cáo của các bị hại Phạm Thị Thu T1, Trần Thị H, Lê Thị H1, Hà Thị T2 (T2), Phạm Thị X, Lê Thị D, Phan Thị C, Nguyễn Văn X1 (X1), Trần Thị O, Nguyễn Thị T3, Bùi Thị M (M), Phạm Thị S (S), Nguyễn Thị M, Võ Thị D1 (Tư Thảo) đối với bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H2.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị Thu T, sinh năm 1984; Nơi sinh tại Đồng Tháp;

Nơi cư trú và chỗ ở: Khóm 3, phường A, TX H2, Đồng Tháp;

Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Cao Đài;

Con ông Võ Văn T4, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Huỳnh Thị D2, sinh năm 1956 (còn sống); Chồng tên: Nguyễn Văn N, sinh năm 1977; Có 03 người con: Lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016; Có 05 anh (chị) em, bị cáo con thứ tư trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại có kháng cáo:*

01. Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1968;

Trú tại: khóm 2, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phạm Thị Thu T1 ủy quyền cho bà Phạm Thị X theo giấy ủy quyền ngày 02/10/2107.

02. Trần Thị H, sinh năm 1977 (có mặt);

03. Lê Thị H1, sinh năm 1968 (có mặt);

04. Hà Thị T2 (T2), sinh năm 1963 (có mặt);

05. Phạm Thị X, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng trú tại: khóm 3, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

06. Lê Thị D, sinh năm 1977 (có mặt);

07. Phan Thị C, sinh năm 1964 (có mặt);

08. Nguyễn Văn X1 (X1), sinh năm 1956 (có mặt) ;

Cùng trú tại: khóm 4, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

09. Trần Thị O, sinh năm 1965 (có mặt);

Trú tại: khóm 5, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

10. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng trú tại: khóm M2, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bùi Thị M (M), sinh năm 1988 (có mặt);

Trú tại: ấp T5, xã T6, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

12. **Phạm Thị S (S)**, sinh năm 1960 (có mặt);

13. **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1958 (có mặt);

Cùng trú tại: ấp P, xã P1, huyện H2, tỉnh Đồng Tháp.

14. **Võ Thị D1 (Tư Thảo)**, sinh năm 1959 (có mặt)

Trú tại: ấp P2, xã A1, huyện T7, tỉnh Đồng Tháp.

** Người bị hại có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo:*

Thái Thị Kim P3, sinh năm 1964 (có mặt);

Trú tại: khóm 1, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Phạm Thị Thu T1, Trần Thị H, Lê Thị H1, Lê Thị D, Hà Thị T2, Phạm Thị X, Phan Thị C, Nguyễn Văn X1, Trần Thị O, Nguyễn Thị T3, Bùi Thị M (M) và Võ Thị D1 (Tư Thảo) là: Ông Trần Văn Độ – Luật sư Văn phòng Luật sư Hữu Nhân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.*

** Người làm chứng:*

01. **Huỳnh Thị Mỹ A2**, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm 3, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

02. **Đặng Thị T8**, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 2, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

03. **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1991 (vắng mặt);

04. **Lê Thị N2**, sinh năm 1967 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 4, phường A, thị xã H2, tỉnh Đồng Tháp.

05. **Lê Thị M3**, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện H2, Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án các bị hại Huỳnh Thị H3, Huỳnh Thị D3, Võ Trường K, Trần Thị K1, Nguyễn Văn S1, Trần Thị T9, Ngô Thị M4, Lê Thị S2, Ngô Thị Q, Trương Văn T10, Võ Trường G không kháng cáo; Người bị hại Thái Thị Kim P3 kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Thu T làm chủ hội từ năm 2010, thời gian đầu T thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội, lợi nhuận từ tiền hoa hồng và trực tiếp tham gia trong các dây hội để sử dụng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, sau đó T mở thêm nhiều dây hội nhằm thu hút nhiều hội viên tham gia, hội viên là những người sinh sống và mua bán tại thị xã H2.

Đến khoảng tháng 7/2012 (nhằm tháng 8/2012 ÂL), T mở 14 dây hội gồm: 02 dây hội 10 ngày 1.000.000đ; 02 dây hội 10 ngày 2.000.000đ; 02 dây hội ½ tháng 2.000.000đ; 02 dây hội tháng 3.000.000đ; 05 dây hội tháng 5.000.000đ; 01 dây hội tháng 10.000.000đ. Tiền hoa hồng T quy định chủ hội được hưởng 300.000đ/phần đối với hội 1.000.000đ; 600.000đ/phần đối với hội 2.000.000đ; 900.000đ/phần đối với hội 3.000.000đ; 1.500.000đ/phần đối với hội 5.000.000đ; 3.000.000đ/phần đối với hội 10.000.000đ.

Cách thức tham gia chơi hội: Mỗi 10 ngày, ½ tháng và một tháng (tính trong ngày của tháng tiếp theo) khai hội một lần, đến ngày khai hội thì các hội viên bỏ hội, ai bỏ hội cao nhất thì hốt hội. Nhưng trong các dây hội này, các hội viên tham gia bỏ hội không đầy đủ, hoặc không trực tiếp bỏ hội mà tin lời T nói hội bỏ bao nhiêu tiền thì hội viên đóng bấy nhiêu.

Trong quá trình làm chủ hội, T đã dùng thủ đoạn gian dối tự ý lấy tên hội viên khác hốt hội mà không có sự đồng ý của họ, chiếm đoạt tiền của nhiều hội viên, để choàng hội cho các hội viên đến kỳ hốt hội và chi xài cá nhân. Hành vi này được thực hiện ở 12 dây hội trong tổng số 14 dây hội do T làm chủ, đến ngày 15/8/2014 (nhằm ngày 20/7/2014 ÂL) T không còn khả năng choàng hội nên tuyên bố vỡ hội. Các bị hại làm đơn tố giác yêu cầu xác minh làm rõ xử lý Võ Thị Thu T theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, xác minh và qua đối chiếu nợ, Võ Thị Thu T chiếm đoạt tài sản của 26 người với số tiền 463.970.000đ cụ thể như sau:

*** Dây hội thứ 1:** Hội 10 ngày 1.000.000đ mở ngày 08/12/2013 (nhằm ngày 06/11/2013 ÂL), có 39 hội viên 44 phần, trong dây hội này có tên Bác 6 D nhưng

người chơi hội là Phan Thị C nên đây hội này có 38 người. T tham gia 01 phần và trả lại tiền vốn, đóng tiền thay Trần Thị T11 (chị Tết) 02 phần, như vậy T tham gia tất cả 03 phần, hốt ở lần khai thứ 5, 23, 25. Hội đã khai được 26 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 03 lần hốt hội nêu trên, T còn tự ý lấy tên 07 hội viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hội 07 lần chiếm đoạt tiền của 24 hội viên, số tiền **102.625.000đ**. Cụ thể như sau:

- Khai lần thứ 04 lấy tên Võ Trường G (anh G) bỏ hội 370.000đ/phần hốt hội chiếm đoạt 25 phần, mỗi phần 630.000đ của 24 hội viên số tiền **15.750.000đ**.

- Khai lần thứ 09 lấy tên Chị N2 Thái bỏ hội 400.000đ/phần hốt hội chiếm đoạt 25 phần, mỗi phần 600.000đ, của 24 hội viên số tiền **15.000.000đ**.

- Khai lần thứ 10 lấy tên Cúc T bỏ hội 395.000đ/phần hốt hội chiếm đoạt 25 phần, mỗi phần 605.000đ, của 24 hội viên số tiền **15.125.000đ**.

- Khai lần thứ 13 lấy tên Trần Thị O (chị 3 Dưa) bỏ hội 570.000đ/phần hốt hội chiếm đoạt 25 phần, mỗi phần 430.000đ, của 24 hội viên số tiền **10.750.000đ**.

- Khai lần thứ 15 lấy tên Trương Văn T10 (Út Thi) bỏ hội 380.000đ/phần hốt hội chiếm đoạt 25 phần, mỗi phần 620.000đ, của 24 hội viên số tiền **15.500.000đ**.

- Khai lần thứ 17 lấy tên Di 3 Xương bỏ hội 400.000đ/phần hốt hội chiếm đoạt 25 phần, mỗi phần 600.000đ, của 24 hội viên số tiền **15.000.000đ**.

- Khai lần thứ 19 lấy tên Lê Thị H1 (dì H1) bỏ hội 380.000đ/phần hốt hội chiếm đoạt 25 phần, mỗi phần 620.000đ, của 24 hội viên số tiền **15.500.000đ**.

Như vậy, trong đây hội này T tự ý lấy tên hội viên khác hốt hội 07 lần chiếm đoạt của 24 hội viên (25 phần) số tiền **102.625.000đ**. Trong đó, có 09 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 41.050.000đ, 02 người xác minh không tìm được số tiền 8.210.000đ, có 13 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **53.365.000đ**, gồm:

1. Nguyễn Thị D4 (Chị 5 Gặp) tham gia 1 phần đóng hội sống 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

2. Võ Thị D1 (Tư Thảo) tham gia 1 phần đóng hội sống 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

3. Lê Thị H1 (dì H1) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

4. Phạm Thị S (dì 9 Tâm) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

5. Phan Thị C tham gia 2 phần, đã hốt 1 phần, 1 phần đóng hội sổng 26 lần số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

6. Nguyễn Thị H3 (dì 4 Gà) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

7. Huỳnh Thị Mỹ A2 (Mỹ A2) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

8. Trần Thị O (chị 3 Dưa) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

9. Trần Thị K1 (chị 6 Nghìn) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

10. Lê Thị S2 (dì 3 Bính) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

11. Phạm Thị X (chị X) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

12. Ngô Thị Q (Q Ghe) tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

13. Phạm Thị Thu T1 tham gia 1 phần đóng hội sổng 26 lần, số tiền 15.135.000đ, T chiếm đoạt số tiền 4.105.000đ.

Tổng cộng 13 hội viên có đơn yêu cầu xử lý hình sự số tiền **53.365.000đ**.

Với hành vi và thủ đoạn như trên, T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các hội viên ở 11 dây hội còn lại như sau:

* **Dây hội thứ 2:** Hội 10 ngày 1.000.000đ mở ngày 08/12/2013 (nhằm ngày 06/11/2013 ÂL), có 39 hội viên 44 phần, dây hội này T tham gia 02 phần và trả lại tiền vốn, đóng tiền thay Trần Thị T11 (chị Tết) 02 phần. Như vậy, trong dây hội này T có 04 phần, hốt hội ở lần khai thứ 5, 6, 23, 25. Hội đã khai được 26 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 04 lần hốt hụi nêu trên, T còn tự ý lấy tên 08 hụi viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hụi 08 lần chiếm đoạt tiền của 26 hụi viên, số tiền **124.930.000đ**. Trong đó, có 12 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 57.660.000đ, 02 người xác minh không tìm được số tiền 9.610.000đ; có 12 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **57.660.000đ**, gồm:

1. Võ Thị D1 số tiền 4.805.000đ.
2. Phan Thị Diễm H4 số tiền 4.805.000đ.
3. Phạm Thị S số tiền 4.805.000đ.
4. Nguyễn Thị M số tiền 4.805.000đ.
5. Lê Thị D số tiền 4.805.000đ.
6. Phan Thị C số tiền 4.805.000đ.
7. Nguyễn Thị H3 số tiền 4.805.000đ.
8. Huỳnh Thị Mỹ A2 số tiền 4.805.000đ.
9. Nguyễn Văn X1 số tiền 4.805.000đ.
10. Trần Thị O số tiền 4.805.000đ.
11. Phạm Thị X số tiền 4.805.000đ.
12. Ngô Thị Q số tiền 4.805.000đ.

* **Dây hụi thứ 3:** Hụi 10 ngày 2.000.000đ mở ngày 12/12/2013 (nhằm ngày 10/11/2013 ÂL), có 28 hụi viên 32 phần, dây hụi này T tham gia 01 phần và trả lại tiền vốn, đóng tiền thay Diệp Thị S3, Nguyễn Thúy M4 và Trần Thị T11 mỗi người 01 phần. Như vậy, T tham gia tổng cộng 04 phần, hốt hụi ở lần khai thứ 4, 15, 19, 21. Hụi đã khai được 25 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 04 lần hốt hụi nêu trên, T còn tự ý lấy tên 07 hụi viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hụi 07 lần, chiếm đoạt tiền của 14 hụi viên số tiền **118.580.000đ**. Trong đó, có 04 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 33.880.000đ, 10 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **84.700.000đ**, gồm:

1. Phan Thị Diễm H4 số tiền 8.470.000đ.
2. Phan Thị C số tiền 8.470.000đ.
3. Phạm Thị S số tiền 8.470.000đ.

4. Nguyễn Thị T3 số tiền 8.470.000đ.
5. Phạm Thị X 8.470.000đ;
6. Võ Thị D1 8.470.000đ;
7. Lê Thị D số tiền 8.470.000đ;
8. Nguyễn Văn X1 số tiền 8.470.000đ;
9. Trần Thị O số tiền 8.470.000đ;
10. Lê Thị N2 số tiền 8.470.000đ.

* **Dây hội thứ 4:** Hội 10 ngày 2.000.000đ mở ngày 12/12/2013 (nhằm ngày 10/11/2013 ÂL), có 28 hội viên 32 phần, dây hội này T tham gia 01 phần và trả lại tiền vốn, đóng tiền thay Trần Thị T11 01 phần, chị T10 02 phần. Như vậy, trong dây hội này T tham gia tổng cộng 04 phần, hót ở lần thứ 01, 03, 20, 25. Hội đã khai được 25 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 04 lần hót hội nêu trên, T còn tự ý lấy tên 11 hội viên mà không được sự đồng ý của họ để hót hội 11 lần, chiếm đoạt tiền của hội viên số tiền **266.580.000đ**. Trong đó, có 07 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 118.480.000đ, 10 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **148.100.000đ**, gồm:

1. Nguyễn Thị M số tiền 14.810.000đ.
2. Phan Thị C số tiền 14.810.000đ.
3. Hà Thị H5 số tiền 14.810.000đ.
4. Lê Thị D số tiền 14.810.000đ.
5. Phạm Thị Thu T1 số tiền 14.810.000đ.
6. Nguyễn Văn X1 số tiền 14.810.000đ.
7. Trần Thị O số tiền 14.810.000đ.
8. Lê Thị N2 số tiền 14.810.000đ.
9. Thái Thị Kim P3 số tiền 14.810.000đ.
10. Lê Thị H1 số tiền 14.810.000đ.

* **Dây hội thứ 5:** Hội ½ tháng 2.000.000đ mở ngày 24/5/2013 (nhằm ngày 15/4/2013 ÂL), có 26 hội viên 32 phần, T tham gia 01 phần và trả lại tiền vốn,

đóng tiền thay Trần Thái H6 01 phần. Như vậy, Dây hụi này T có 02 phần, hốt ở lần khui thứ 08 và 23. Hụi đã khui được 30 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 02 lần hốt hụi nêu trên, T còn tự ý lấy tên 03 hụi viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hụi 03 lần chiếm đoạt tiền của 05 hụi viên số tiền **13.500.000đ**. Trong đó có 01 người qua xác minh không tìm được số tiền 2.700.000đ, 01 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 2.700.000đ; 03 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **8.100.000đ**, gồm:

1. Phan Thị C (chị 3 Tuấn) số tiền 2.700.000đ.
3. Nguyễn Văn S1 (Út S1) số tiền 2.700.000đ.
3. Nguyễn Thị D4 (Chị Chi Mơ) số tiền 2.700.000đ.

* **Dây hụi thứ 6:** Hụi 1/2 tháng 2.000.000đ, mở ngày 12/6/2014 (nhằm ngày 15/5/2014 ÂL), có 25 hụi viên 28 phần, T tham gia 01 phần và trả lại tiền vốn, đóng tiền thay Lê Thị Nguyệt E. Như vậy, T tham gia tổng cộng 02 phần, hốt ở lần thứ 02 và thứ 04. Hụi khui được 04 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 02 lần hốt hụi nêu trên, T còn tự ý lấy tên hụi viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hụi 01 lần chiếm đoạt tiền của 22 hụi viên số tiền **40.000.000đ**. Trong đó, có 09 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 14.400.000đ, 03 người qua xác minh không tìm được số tiền 4.800.000đ, 10 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **20.800.000đ**, gồm:

1. Lê Thị D số tiền 1.600.000đ.
2. Phan Thị C số tiền 1.600.000đ.
3. Phan Thị Diễm H4 số tiền 3.200.000đ.
4. Lê Thị H1 số tiền 1.600.000đ.
5. Nguyễn Văn X1 số tiền 1.600.000đ.
6. Trần Thị H số tiền 3.200.000đ.
7. Trần Thị O số tiền 3.200.000đ.
8. Nguyễn Thị H3 số tiền 1.600.000đ.
9. Nguyễn Thị T3 số tiền 1.600.000đ.
10. Nguyễn Thị M số tiền 1.600.000đ.

* **Dây hội thứ 7:** Hội tháng 3.000.000đ mở ngày 05/9/2012 (nhằm ngày 20/7/2012 ÂL), có 20 hội viên 25 phần, dây hội này T tham gia 01 phần hốt lần thứ 18. Hội khui được 24 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 01 lần hốt hội nêu trên, T còn tự ý lấy tên 02 hội viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hội 02 lần chiếm đoạt tiền của 04 hội viên số tiền **13.120.000đ**. Trong đó, có 02 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 6.560.000đ, 02 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **6.560.000đ**, gồm:

1. Huỳnh Thị Mỹ A2 (dì Mỹ A2) số tiền 3.280.000đ.
2. Nguyễn Văn X1 (Dì 7 X1) 3.280.000đ.

* **Dây hội thứ 8:** Hội tháng 3.000.000đ ngày 08/11/2012 (nhằm ngày 25/9/2012 ÂL), có 24 hội viên tham gia 26 phần, dây hội này T tham gia 01 phần hốt ở lần khui thứ 6.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 01 lần hốt hội nêu trên, T còn tự ý lấy tên 05 hội viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hội 05 lần chiếm đoạt tiền của 09 hội viên số tiền **72.270.000đ**. Tất cả 09 hội viên yêu cầu xử lý hình sự, gồm:

1. Trần Thị O số tiền 8.030.000đ.
2. Lê Thị D (chị D) số tiền 8.030.000đ.
3. Nguyễn Thị N1 (N1 Út Đực) số tiền 8.030.000đ.
4. Bi Thị M (M) số tiền 8.030.000đ.
5. Phạm Thị X (chị Út X) số tiền 8.030.00đ.
6. Lê Thị H1 (Dì H1) số tiền 8.030.000đ.
7. Nguyễn Thị T3 (Út Hãnh) số tiền 8.030.000đ.
8. Phạm Thị S số tiền 8.030.000đ.
9. Nguyễn Thị H3 (dì Tư Đen) số tiền 8.030.000đ.

* **Dây hội thứ 9:** Hội tháng 5.000.000đ mở ngày 13/3/2013 (nhằm ngày 02/02/2013 ÂL), có 19 hội viên 21 phần, trong dây hội này T tham gia 01 phần hốt ở lần thứ 12. Hội khui được 18 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 01 lần hốt hội nêu trên, T còn tự ý lấy tên 03 hội viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hội 03 lần chiếm đoạt tiền của

06 hội viên số tiền **54.000.000đ**. Trong đó, có 01 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 9.000.000đ, 01 người xác minh không tìm được số tiền 9.000.000đ, 04 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **36.000.000đ**, gồm:

1. Lê Thị N2 (chị Út Đực) số tiền 9.000.000đ.
2. Hà Thị T2 (đi T2) số tiền 9.000.000đ.
3. Lê Thị Cà M3 (chị M3) số tiền 9.000.000đ.
4. Trần Thị O (chị 3 Dưa) số tiền 9.000.000đ.

*** Dây hội thứ 10:** Hội tháng 5.000.000đ mở ngày 13/3/2013 (nhằm ngày 02/02/2013 ÂL), có 19 hội viên 21 phần, trong dây hội này T tham gia 01 phần hốt ở lần thứ 16. Hội khai được 18 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định ngoài 01 lần hốt hội nêu trên, T còn tự ý lấy tên hội viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hội 01 lần chiếm đoạt của 04 hội viên số tiền **13.000.000đ**. Trong đó, có 01 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 3.250.000đ, 03 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **9.750.000đ**, gồm:

1. Võ Thị D1 (Tư Thảo) số tiền 3.250.000đ.
2. Nguyễn Thị H3 số tiền 3.250.000đ.
3. Trần Thị O số tiền 3.250.000đ.

*** Dây hội thứ 12:** Hội tháng 5.000.000đ mở ngày 24/02/2014 (nhằm ngày 25/01/2014 ÂL), có 18 hội viên 22 phần, trong dây hội này T tham gia 02 phần chưa hốt hội. Hội khai được 06 lần.

Qua đối chiếu nợ xác định T tự ý lấy tên hội viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hội 01 lần chiếm đoạt tiền của 14 hội viên số tiền **43.950.000đ**. Trong đó, 06 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 17.580.000đ, 03 người xác minh không tìm được số tiền 8.790.000đ, 05 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **17.580.000đ**, gồm:

1. Nguyễn Thị H3 số tiền 5.860.000đ.
2. Lê Thị D số tiền 2.930.000đ.
3. Hà Thị H5 số tiền 2.930.000đ.
4. Phan Thị Diễm H4 số tiền 2.930.000đ.

5. Nguyễn Văn X1 (dì 7 X1) số tiền 2.930.000đ.

*** Dây hụi thứ 13:** Hụi tháng 5.000.000đ/phần mở ngày 17/4/2014 (nhằm ngày 18/3/2014 ÂL), có 21 hụi viên 26 phần, trong dây hụi này T tham gia 02 phần chưa hốt hụi. Hụi khai được 04 lần.

Qua đôi chiếu nợ, xác định T tự ý lấy tên hụi viên mà không được sự đồng ý của họ để hốt hụi 01 lần và 01 lần gom trước tiền hụi sống để chiếm đoạt tiền của 18 hụi viên số tiền **52.500.000đ**. Sau khi vỡ hụi, T còn gom trước tiền hụi lần khai hụi thứ 05 của 04 hụi viên: Nguyễn Thị M1 (Bác 6 D); Phạm Thị S (dì chín Tâm); Nguyễn Thị D4 (chị 5 Gặp); Lê Thị D mỗi người với số tiền 2.900.000đ, bằng **11.600.000đ**.

Như vậy, trong dây hụi này T tự ý lấy tên hụi viên hốt hụi 01 lần chiếm đoạt số tiền 52.500.000đ và 01 lần gom trước tiền hụi sống 11.600.000đ, tổng số tiền chiếm đoạt trong dây hụi này là **64.100.000đ**.

Trong đó, 07 người không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 17.500.000đ, 11 người yêu cầu xử lý hình sự số tiền **46.600.000đ**, gồm:

1. Phạm Thị S số tiền 5.400.000đ.
2. Nguyễn Thị M số tiền 5.400.000đ.
3. Lê Thị D số tiền 5.400.000đ.
4. Nguyễn Thị D4 (5 Gặp) số tiền 5.400.000đ.
5. Phan Thị C số tiền 2.500.000đ.
6. Trần Thị K1 số tiền 2.500.000đ.
7. Nguyễn Văn X1 số tiền 5.000.000đ.
8. Trần Thị H số tiền 2.500.000đ.
9. Hà Thị T2 số tiền 2.500.000đ.
10. Phạm Thị X số tiền 2.500.000đ.
11. Trần Thị O số tiền 7.500.000đ.

Như vậy: Võ Thị Thu T đã dùng thủ đoạn gian dối 51 lần tự ý lấy tên của hụi viên để hốt hụi không được sự đồng ý của họ, 01 lần lấy tiền của hụi viên trước khi khai hụi, chiếm đoạt tiền của các hụi viên ở 12 dây hụi tổng cộng là 883.545.000đ.

Sau khi vỡ hội T và các hội viên thỏa thuận cản trừ tiền chiếm đoạt (bao gồm tiền mặt và cản trừ tiền hội chết) cho các hội viên 419.575.000đ nên số tiền chiếm đoạt của các bị hại còn lại là: **463.970.000đ**, trong đó có 07 người bị hại còn bị chiếm đoạt tiền nhưng không yêu cầu xử lý hình sự số tiền 150.985.000đ, có 19 người bị hại yêu cầu xử lý hình sự số tiền 312.985.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại có 19 người yêu cầu bị cáo Võ Thị Thu T bồi thường tổng số tiền 312.985.000 đồng. Từ sau khi khởi tố đến nay bị cáo võ Thị Thu T không có khả năng khắc phục hậu quả. Riêng đối với 07 người bị hại như: Võ Trường G số tiền 63.350.000 đồng; Trương Văn T10 số tiền 4.105.000 đồng; Ngô Thị M4 số tiền 30.325.000 đồng; Huỳnh Thị D3 số tiền 19.615.000 đồng; Huỳnh Thị H3 số tiền 23.280.000 đồng; Trần Thị T9 số tiền 7.380.000 đồng; Võ Trường K số tiền 2.930.000 đồng, không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự.

Về tài liệu chứng cứ đã thu thập được:

- Sổ theo dõi việc đóng hội và hót hội của dây hội ngày 03/05/2014 (AL);
- Sổ theo dõi việc đóng hội và hót hội của các dây hội 10 ngày, ½ tháng và hội tháng;
- Sổ thỏa thuận tiền hội giữa bị cáo T và các hội viên;
- Tài liệu những người thiếu tiền bị cáo T, lai hội, giấy tính tiền hội.

Quá trình điều tra Võ Thị Thu T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân thị xã H2 đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Thu T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thu T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Võ Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho 19 người bị hại số tiền 312.985.000đ (ba trăm mười hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) gồm: chị Trần Thị H 5.700.000 đồng; Lê Thị D 46.045.000 đồng; Nguyễn Thị M 26.615.000 đồng; Lê Thị S2 4.105.000 đồng; Phan Thị C 38.990.000 đồng; Trần Thị O 63.170.000 đồng; Phạm Thị S 30.810.000 đồng; Lê Thị H1 15.345.000 đồng; Nguyễn Văn X1 2.895.000 đồng; Phạm Thị Thu T1 14.715.000 đồng; Võ Thị D1 7.830.000 đồng; Trần Thị K1 5.605.000 đồng; Nguyễn Thị T3 10.600.000 đồng; Nguyễn Văn S1 1.700.000 đồng; Hà Thị T2 1.500.000 đồng; Thái Thị Kim P3 (Hai Nhân) 9.710.000 đồng; Bùi Thị M (M) 230.000 đồng; Ngô Thị Q 7.510.000 đồng; Phạm Thị X 19.910.000 đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chưa thi hành, tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017, bị cáo Võ Thị Thu T có đơn kháng cáo với nội dung với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, các bị hại Trần Thị H, Phạm Thị Thu T1, Lê Thị H1, Hà Thị T2, Phạm Thị X, Lê Thị D, Phan Thị C, Nguyễn Văn X1, Trần Thị O, Nguyễn Thị T3, Bùi Thị M (M), Võ Thị D1 (Tư Thảo) có đơn kháng cáo; Ngày 29 tháng 9 năm 2017, các bị hại Thái Thị Kim P3, Phạm Thị S, Nguyễn Thị M có đó kháng cáo, các bị hại kháng cáo cùng với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do Bản án Tòa án thị xã H2 đã tuyên không đúng quy định của pháp luật và không đúng yêu cầu bồi thường của người bị hại. Ngày 03/10/2017 bị hại Thái Thị Kim P3 có đơn xin rút đơn kháng cáo ngày 29/9/2017 với nội dung đồng ý với bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H2 đã tuyên, phần bị cáo T còn nợ bà P3 thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác để bị cáo trả nợ cho bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thu T về việc xin giảm nhẹ hình phạt, sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, do bị cáo T đã cung cấp thêm tình tiết mới đó là bị cáo đã nộp số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả theo biên lai thu ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H2, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nên có cơ sở để được xem xét giảm nhẹ hình phạt ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết. Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Trần Thị H, Phạm Thị Thu T1, Lê Thị D, Hà Thị T2, Phạm Thị X, Phan Thị C, Nguyễn Văn X1, Trần Thị O, Nguyễn Thị T3 và Bùi Thị M (M) do không có cơ sở và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc những người bị hại bà Lê Thị H1, Phạm Thị S, Nguyễn Thị M, Võ Thị D1 xin rút đơn kháng cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Luật sư Trần Văn Độ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người bị hại Trần Thị H, Phạm Thị Thu T1, Lê Thị H1, Lê Thị D, Hà Thị T2, Phạm Thị X, Phan Thị C, Nguyễn Văn X1, Trần Thị O, Nguyễn Thị T3, Bùi Thị M (M) và Võ Thị D1 (Tư Thảo) trình bày và đề nghị như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự khi xác định bà Huỳnh Thị Mỹ A2, Nguyễn Thị N1, Lê Thị N2, Lê Thị M3 là người làm chứng không phải là người bị hại trong vụ án, bởi vì họ là người đã bị bị cáo T chiếm đoạt tiền như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện, ngoài ra Bản án sơ thẩm nhận định số tiền bị cáo chiếm đoạt là 883.545.000 đồng nhưng lại truy tố và xét xử bị cáo chỉ đối với số tiền 463.970.000 đồng sau khi khấu trừ số tiền bị cáo đã trả hoặc cản trừ hui là 419.575.000 đồng là không đúng, mà cần phải xét xử bị cáo chiếm đoạt số tiền 883.545.000 đồng, ngoài ra theo tính toán số tiền bị cáo chiếm đoạt phải là 1.127.650.000 đồng như theo lời thừa nhận của bị cáo, vì vậy cần áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo, vì số tiền chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng. Vì vậy để bảo vệ quyền lợi người bị hại trong vụ án và đảm bảo tính răn đe của pháp luật đối với hành vi phạm tội này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy án sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra xét xử lại.

Tại phiên tòa những người bị hại Trần Thị H, Phạm Thị Thu T1, Lê Thị D, Hà Thị T2, Phạm Thị X, Phan Thị C, Nguyễn Văn X1, Trần Thị O, Nguyễn Thị T3

và Bùi Thị M (M) yêu cầu kháng cáo buộc bị cáo phải trả đủ số tiền còn nợ bao gồm số tiền đã chiếm đoạt và số tiền hội còn nợ.

Tại phiên tòa những người bị hại bà Lê Thị H1, Phạm Thị S, Nguyễn Thị M và Võ Thị D1 xin rút đơn kháng cáo, thống nhất bản án hình sự sơ thẩm, sẽ thực hiện khởi kiện vụ án dân sự đối với số tiền bị cáo T còn nợ hội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại và lời khai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Võ Thị Thu T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Thể hiện, Bị cáo T lợi dụng sự quen biết với những người mua bán ở chợ và người thân thích với bị cáo, bị cáo đã tổ chức chơi hội và làm chủ hội (đầu thảo) để hưởng hoa hồng từ năm 2010, ngoài việc làm chủ hội bị cáo cũng trực tiếp tham gia trong các dây hội để được lợi nhuận và nhận tiền hoa hồng để sử dụng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, thời gian đầu bị cáo thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội để làm tin cho các hội viên, sau đó bị cáo mở thêm nhiều dây hội nhằm thu hút nhiều hội viên tham gia. Đến khoảng tháng 7/2012 (nhằm tháng 8/2012 ÂL), bị cáo mở 14 dây hội, khi đến ngày khai hội các hội viên tham gia bỏ hội không đầy đủ, hoặc không trực tiếp bỏ hội mà tin lời bị cáo nói hội bỏ bao nhiêu tiền thì hội viên đóng tiền bấy nhiêu. Trong quá trình làm chủ hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối tự ý lấy tên hội viên khác hốt hội mà không có sự đồng ý của họ, chiếm đoạt tiền của nhiều hội viên, để choàng hội cho các hội viên đến kỳ hốt hội và chi xài cá nhân. Hành vi chiếm đoạt này được thực hiện ở 12 dây hội trong tổng số 14 dây hội do bị cáo làm chủ. Đến ngày 15/8/2014 (20/7/2014 ÂL) bị cáo không còn khả năng choàng hội nên tuyên bố vỡ hội. Nhiều hội viên đã tố cáo hành vi phạm pháp của bị cáo tại cơ quan Công an,

qua quá trình điều tra xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của 26 bị hại là 463.970.000đ.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, đã gây mất trật tự trị an và hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng lại không chăm chỉ lao động chân chính để có thu nhập hợp pháp, chỉ vì muốn có tiền nhanh chóng để bù đắp các khoản nợ của bản thân, bị cáo lợi dụng lòng tin của những người hui viên và người thân của bị cáo, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của 26 người bị hại với số tiền là 463.970.000 đồng, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện nhiều lần (51 lần). Rõ ràng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Cho nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là phù hợp nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thu T, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa hôm nay bị cáo cung cấp biên lai thu tiền số 013271 ngày 28/9/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã H2 về việc bị cáo nộp số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho những người bị hại trong vụ án, cho thấy bị cáo có ý thức cố gắng khắc phục hậu quả, đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần áp dụng cho bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của những người bị hại như: Hà Thị T2, Phạm Thị Thu T1, Phạm Thị X, Trần Thị H, Trần Thị O, Bùi Thị M, Nguyễn Văn X1, Phan Thị C, Nguyễn Thị T3 và Lê Thị D Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã xác định trách nhiệm dân sự mà bị cáo có nghĩa vụ phải trả lại cho các bị hại là số tiền đã chiếm đoạt, đối với số tiền nợ hui khác mà bị cáo nhận từ các bị

hại là các giao dịch dân sự có tranh chấp không được xác định là số tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt trong vụ án này, sẽ được tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác là có cơ sở, đúng pháp luật, do số tiền tranh chấp dân sự chưa đó điều kiện chứng minh trong vụ án này và việc tách ra không ảnh hưởng đối với việc giải quyết vụ án hình sự, điều này phù hợp với Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của 26 bị hại được xác định còn lại là 463.970.000 đồng là có căn cứ sau khi khấu trừ các khoản mà bị cáo đã trả cho bị hại trước khi khởi tố. Ngoài ra xét thấy quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm được thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự theo quy định. Vì vậy kháng cáo của các bị hại là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa những người bị hại Lê Thị H1, Phạm Thị S, Nguyễn Thị M và Võ Thị D1 xin rút đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bị hại, nên căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

[7] Do hành vi phạm tội của bị cáo T được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (trước ngày 01/01/2018). So với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là tương ứng nhau, đồng thời bị cáo cũng không thuộc trường hợp được xem xét tình tiết có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy cần áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết trong vụ án này, theo tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9] Đối với đề nghị của Luật sư tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy là không có cơ sở, như đã phân tích trên có đủ cơ sở xác định số tiền bị cáo T chiếm đoạt để truy cứu trách nhiệm hình sự chỉ là 463.970.000 đồng. Đối với bà Huỳnh Thị Mỹ A2, Nguyễn Thị N1, Lê Thị N2, Lê Thị M3 và bà Đặng Thị T8 việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định các bà là bị hại trong vụ án mà xác định là người làm chứng trong vụ án là có cơ sở. Bởi vì, qua xem xét tài liệu, chứng cứ

theo hồ sơ vụ án cho thấy mặc dù bị cáo T có thực hiện hành vi lừa dối chiếm đoạt bà Mỹ A2 số tiền 12.190.000đ (theo dây hụi số 1: 4.105.000 đồng, dây hụi số 2: 4.805.000 đồng và dây hụi số 7: 3.280.000 đồng), lừa dối chiếm đoạt bà N1 số tiền 8.030.000 đồng (theo dây hụi số 8); lừa dối chiếm đoạt bà N2 số tiền 32.280.000 đồng (theo dây hụi số 3: 8.470.000 đồng, dây hụi số 4: 14.810.000 đồng và dây hụi số 9: 9.000.000 đồng) và lừa dối chiếm đoạt bà M3 số tiền 9.000.000 đồng (theo dây hụi số 9). Nhưng sau khi vỡ hụi bị cáo T đã thỏa thuận trả bà Mỹ A2 số tiền 13.200.000 đồng; trả bà N1 số tiền 8.200.000 đồng; trả bà N2 số tiền 46.400.000 đồng và trả bà M3 số tiền 14.000.000 đồng, như vậy có đủ cơ sở xác định bị cáo T không còn chiếm đoạt tiền của các bà Mỹ A2, N1, N2, M3. Đối với bà Lê Thị T8, qua đối chiếu tiền hụi thể hiện bà T8 tham gia các dây hụi gồm dây hụi số 11: loại hụi 10.000.000 đồng mở ngày 28/8/2013 (22/7/2013 ÂL); dây hụi số 14, loại hụi 5.000.000 đồng mở ngày 27/6/2014 (30/5/2014 ÂL), nhưng bị cáo T không chiếm đoạt tiền trong hai dây hụi này, đây là quan hệ dân sự có tranh chấp được tách ra giải quyết bằng vụ án khác như đã phân tích trên, nên không xem xét giải quyết yêu cầu của bà T8 trong vụ án là phù hợp. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định tư cách tố tụng của các bà là bị hại trong vụ án là có cơ sở, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự trong giải quyết vụ án này. Cho nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư về việc hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra xét xử lại.

Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định rõ tư cách tố tụng của các bà Huỳnh Thị Mỹ A2, Nguyễn Thị N1, Lê Thị N2, Lê Thị M3 và Đặng Thị T8 trong Bản án sơ thẩm là thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[10] Do kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thu T được chấp nhận, nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo của các bị hại Hà Thị T2, Phạm Thị Thu T1, Phạm Thị X, Trần Thị H, Trần Thị O, Bùi Thị M (M), Nguyễn Văn X1, Phan Thị C, Nguyễn Thị T3 và Lê Thị D không được chấp nhận, nên các bị hại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Các bị hại Lê Thị H1, Phạm Thị S, Nguyễn Thị M và Võ Thị D1 đã rút đơn kháng cáo, nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần còn lại không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thu T về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Sửa quyết định Bản án sơ thẩm về hình phạt;

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Hà Thị T2 (T2), Phạm Thị Thu T1, Phạm Thị X, Trần Thị H, Trần Thị O, Bùi Thị M (Muối), Nguyễn Văn X1 (Xiêm), Phan Thị C, Nguyễn Thị T3 và Lê Thị D. Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị D1 (Tur Thảo), Lê Thị H1, Phạm Thị S (S) và Nguyễn Thị M.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Thu T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thu T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Võ Thị Thu T phải có trách nhiệm hoàn trả cho 19 người bị hại số tiền 312.985.000đ (ba trăm mười hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) gồm: Trần Thị H 5.700.000 đồng; Lê Thị D 46.045.000 đồng; Nguyễn Thị M 26.615.000 đồng; Lê Thị S2 4.105.000 đồng; Phan Thị C 38.990.000 đồng; Trần Thị O 63.170.000 đồng; Phạm Thị S 30.810.000 đồng; Lê Thị H1 15.345.000 đồng; Nguyễn Văn X1 2.895.000 đồng; Phạm Thị Thu T1 14.715.000 đồng; Võ Thị D1 7.830.000 đồng; Trần Thị K1 5.605.000 đồng; Nguyễn Thị T3 10.600.000

đồng; Nguyễn Văn S1 1.700.000 đồng; Hà Thị T2 1.500.000 đồng; Thái Thị Kim P3 (Hai Nhân) 9.710.000 đồng; Bùi Thị M (M) 230.000 đồng; Ngô Thị Q 7.510.000 đồng; Phạm Thị X 19.910.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (các bị hại nêu trên) mà người phải thi hành án (bị cáo T) chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong đối với số tiền chưa thi hành.

*** Về án phí:**

- Bị cáo Võ Thị Thu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị hại Hà Thị T2, Phạm Thị Thu T1, Phạm Thị X, Trần Thị H, Trần Thị O, Bùi Thị M (M), Nguyễn Văn X1, Phan Thị C, Nguyễn Thị T3 và Lê Thị D mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà các bị hại đã nộp, theo các biên lai thu số 14077; 14078; 14079; 14080; 14081; 14083; 14084; 14085; 14086; 14088 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H2.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các bị hại Võ Thị D1, Lê Thị H1, Phạm Thị S và Nguyễn Thị M mỗi người là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 14073; 14076; 14082; 14087 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H2.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND TX. H2;
- Chi cục THA TX. H2;
- Cơ quan CSĐT CA TX. H2;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;

TTM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi

- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, bị hại, người có QL, NVLQ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Nghĩa).